

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: 3006/2025/HĐMB

- Căn cứ Bộ Luật Thương mại được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Bộ Luật dân sự năm 2015
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 06 năm 2025 tại trụ sở Tổng công ty cổ phần Dệt May Nam Định. Chúng tôi gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 43 Tô Hiệu – Phường Nam Định – Tỉnh Ninh Bình

Đại diện bởi: (Ông) **VŨ NGỌC TUẤN** Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Mã số thuế: 0600019436

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà cung cấp: CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV NGỌC THOM

Địa chỉ: 12/14/18 đường 49, khu phố 7, phường Hiệp Bình, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam


Điện thoại: 028.6679.2518

Đại diện bởi: (Ông) **ĐẶNG XUÂN NGỌC** Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 0309391503

Tài khoản số: 072-1-00-510442-0

Ngân hàng : Vietcom bank chi nhánh Kỳ Đồng

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau: 



Điều 1: Chi Tiết Hàng Hóa - Số Lượng - Trị Giá

STT	Tên sản phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền
1	<p>TRỤC ÉP CỬA MÁY ÉP ĐỀU- MH552AF-200</p> <p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều rộng con lăn: 2000mm - Chiều rộng làm việc: 1800mm - Bên truyền động: Cả 2 trục chuyển động chủ động. - Tốc độ máy: Tốc độ Max 70m/phút - Túi khí: Φ250mm - Đường kính con lăn: Φ220mm - Công suất động cơ chính: 7.5KW - Công suất bơm dầu: 1.5KW - Dung tích bể nhuộm (tổng): 128L - Dung tích bể nhuộm (thực tế): 66L - Vật liệu cao su: Cao su Buna-N, độ cứng A68\pm3° - Áp lực tuyến tính tối đa: 400–500 N/cm - Áp suất dầu tối đa: 0.27 MPa - Xuất xứ: Trung Quốc - Màu máy: Màu xanh lá 	Trục	2	439,814,815	879,629,630
<p>Tổng cộng (Bằng chữ: Tám trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi chín ngàn, sáu trăm ba mươi đồng chẵn.)</p>					879,629,630

Ghi chú:

- Thuế GTGT chính thức sẽ được áp dụng theo Luật Thuế Việt Nam tại thời điểm phát hành hóa đơn GTGT. Tổng giá trị hợp đồng chính thức sẽ được tính bằng VNĐ đã bao gồm thuế GTGT căn cứ theo hóa đơn đã phát hành theo quy định của Pháp luật;
- Giá trên là giá đã bao gồm thuế phí nhập khẩu và chi phí vận chuyển, hướng dẫn lắp đặt vận hành, chuyển giao công nghệ nếu có.

Điều 2. Thời gian giao hàng

Thời gian giao hàng: 90 ngày kể từ khi 02 bên ký hợp đồng. (cũng có thể giao sớm hơn) *DL*

939
 NG T
 TH
 HG M
 GOC
 9UC-

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

- Giá chưa thuế : 879.629.630 VNĐ
- Thuế VAT 8% : 70.370.370 VNĐ
- Giá bao gồm thuế : 950.000.000 VNĐ

Tổng giá trị hợp đồng là : 950.000.000 VNĐ giá đã bao gồm thuế VAT.

Bằng chữ: *Chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn.*

Phương thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán: bằng chuyển khoản.
- Thời hạn thanh toán:
 - ✓ Đợt 1: Đặt cọc 30% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
 - ✓ Đợt 2: Thanh toán 60% giá trị hợp đồng ngay khi có chứng từ giao hàng.
 - ✓ Đợt 3: Thanh toán 10% còn lại sau khi 02 bên ký biên bản nghiệm thu và bàn giao.

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp cụ thể và được hai bên thoả thuận bằng văn bản.
2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 8. Phạt vi phạm hợp đồng

1. Trong trường hợp Bên A thanh toán chậm quá 30 ngày kể từ ngày đến hạn thì bên A phải trả phần tiền trả chậm với lãi suất 1.5%/tháng/số tiền chậm trả được tính trên số ngày chậm trả (kể từ ngày đến hạn phải trả cho đến ngày trả trên thực tế) nhưng không vượt quá 5% giá trị hợp đồng.
2. Trong trường hợp bên B không giao hàng đúng thời hạn ghi trên hợp đồng không phải vì lý do bất khả kháng (động đất, chiến tranh, cấm vận... và những nguyên nhân không xác định được), bên A có quyền yêu cầu mức bồi thường tương đương với 1.5% giá trị của hàng hóa bị trễ cho mỗi tháng chậm trễ. Mức bồi thường sẽ không quá 5% giá trị hàng hóa bị trễ. Thời gian chậm trễ tối đa là hai (02) tuần làm việc.

Quá thời gian này Bên A có quyền hủy bỏ Hợp đồng và từ chối nhận hàng.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

- a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
- b) Bên B bị phá sản, giải thể;
- c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 11. Cung cấp, vận chuyển, hướng dẫn lắp đặt, vận hành kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa.

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong hợp đồng.
2. Bên B cử chuyên gia hướng dẫn lắp đặt và vận hành, chạy thử ra sản phẩm.
3. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: máy sẽ được bên B vận chuyển về địa điểm lắp đặt tại địa chỉ: **Lô T và S khu công nghiệp Hòa xá, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình.**

Điều 12. Bản quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.
2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng.

Điều 13. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới 100%, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.
2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau:
 - ✓ Bảo hành 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu và bàn giao.

Điều 14. Nghiệm thu và thanh lý hợp đồng

03-C
TNHH
H VI
DỊCH
HỒM
HỒ C

1. Nghiệm thu

- Thời gian nghiệm thu là 01 tuần sau khi hoàn thành lắp đặt và bàn giao máy móc thiết bị tại nhà máy.
- Trong trường hợp thời gian nghiệm thu quá 01 tuần nhưng không phải do lỗi của bên B thì bên A phải ký biên bản nghiệm thu hoàn thành hồ sơ cho bên B.

2. Thanh lý

Hợp đồng này sẽ tự động được thanh lý sau khi các bên hoàn thành mọi nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng này và Biên bản nghiệm thu thiết bị giữa các bên đã được ký kết.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.
2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết bằng trọng tài kinh tế của thành phố Hồ Chí Minh, phán quyết của trọng tài là phán quyết cuối cùng, chi phí trọng tài do bên thua kiện chịu.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 bộ, chủ đầu tư giữ 02 bộ, nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

VŨ NGỌC TUẤN

